

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản đề ngày 03/10/2022 và Văn bản đề ngày 17/4/2023 của Hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp về hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trang trại tổng hợp tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 320/TTr-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp, địa chỉ tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Trang trại tổng hợp tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Trang trại tổng hợp tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Chủ dự án: Hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi gà (có lắp đặt pin năng lượng mặt trời áp mái).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích cơ sở: 19.688 m².

- Công suất:

+ Công suất chăn nuôi: 60.000 con gà thịt/lứa, xuất chuồng 180.000 con/năm.

+ Công suất điện mặt trời mái nhà: 0,99 MW

- Công nghệ chăn nuôi: Chăn nuôi công nghiệp trên nền đệm lót sinh học.

Giống gà thịt 1 ngày tuổi → Úm gà → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Xuất chuồng.

- Công nghệ sản xuất điện:

Bức xạ nhiệt mặt trời → Pin năng lượng mặt trời → Bộ inverter chuyển đổi điện → Lưới điện của khu vực → Cấp điện cho trang trại.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện quản lý nước thải và tuần hoàn 100% nước thải sau xử lý phục vụ cho hoạt động tưới cây trồng và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 4 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Định và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Yên Định (để theo dõi);
- UBND xã Định Hòa;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn nước thải phát sinh thường xuyên:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân, lưu lượng lớn nhất là 0,72 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình xử lý mùi chuồng nuôi, lưu lượng lớn nhất là 2,5m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước thải không thường xuyên:

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi, lưu lượng thải lớn nhất là 14,63 m³/lần rửa.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ hồ khử trùng phương tiện vận chuyển ra vào trang trại, lưu lượng lớn nhất là 2,0 m³/lần thay.

+ Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa vệ sinh tấm pin mặt trời, lưu lượng lớn nhất là 30,0 m³/lần rửa.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nước thải của trang trại sau khi xử lý được tái sử dụng 100% cho mục đích tưới cây trồng.

+ Vị trí lưu giữ nước thải sau xử lý: Tại ao sinh học trong khuôn viên trang trại, tọa độ X = 2208041.08; Y = 573824.29 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰).

+ Phương thức tái sử dụng: Nước thải sau xử lý được lưu giữ tại ao sinh học (ao được gia cố thành, đáy chắc chắn đảm bảo chống thấm, chống rò rỉ nước ra môi trường xung quanh), sau đó sử dụng bơm vào đường ống mềm để tưới cho cây trồng.

2.2. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng kèm theo Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5- 9	01 lần/năm (theo quy định tại QCVN 1-195:2022/BNNPTNT)	Không thuộc đối tượng
2	Clorua (Cl)	mg/l	≤ 600		
3	Asen (As)	mg/l	≤ 0,1		
4	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 0,01		
5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	≤ 0,5		
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,002		
7	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,05		
8	Ecoli	MPN/100ml	≤ 200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm:

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh: thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo hệ thống rãnh thoát nước về ao sinh học để xử lý.

+ Nước thải từ khu nhà ăn: thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó theo hệ thống rãnh thoát nước về ao sinh học để xử lý.

+ Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ theo hệ thống rãnh thoát nước về ao sinh học để xử lý.

- Nước thải chăn nuôi:

+ Xây dựng hệ thống mương, rãnh thoát nước xung quanh chuồng nuôi thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động rửa vệ sinh chuồng trại dẫn về bể xử lý nước thải (gồm 03 ngăn: ngăn chứa nước thải, ngăn lắng và ngăn khử trùng) để xử lý, sau đó dẫn ra ao sinh học để tiếp tục xử lý, lưu giữ.

+ Xây dựng rãnh thoát nước khu vực xử lý khí thải chuồng nuôi, dẫn nước thải từ quá trình xử lý khí thải chuồng nuôi vào các tuyến mương rãnh thoát nước xung quanh chuồng nuôi (có bố trí các hố lắng) dẫn vào ao sinh học để xử lý, lưu giữ.

- Nước thải từ hố khử trùng phương tiện ra vào thu gom qua các tuyến mương rãnh thoát nước về ao sinh học để xử lý, lưu giữ.

- Nước thải từ quá trình rửa tấm pin năng lượng mặt trời thu gom qua các tuyến mương, rãnh thoát nước về ao sinh học để xử lý, lưu giữ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải vệ sinh từ khu vực nhà ở công nhân xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải nhà ăn xử lý sơ bộ tại hố ga tách dầu mỡ, nước thải tắm giặt xử lý sơ bộ qua hố ga. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Ao sinh học → Tái sử dụng cho tưới cây.

- Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi:

+ Nước thải vệ sinh chuồng nuôi → Bể xử lý nước thải (gồm: Ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn khử trùng) → Ao sinh học → Tái sử dụng cho tưới cây.

+ Nước thải từ quá trình xử lý khí thải chuồng nuôi → Ao sinh học → Tái sử dụng cho tưới cây.

+ Nước thải từ hố khử trùng phương tiện ra vào trại → Ao sinh học → Tái sử dụng cho tưới cây.

- Quy trình xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh tắm pin mặt trời: Nước thải từ quá trình vệ sinh tắm pin mặt trời → Ao sinh học → Tái sử dụng cho tưới cây.

- Hóa chất sử dụng: Hóa chất khử trùng (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hàng năm thực hiện hút bùn bể lắng, bể khử trùng;

- Hàng năm thực hiện nạo vét ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa phục vụ cho tưới cây xanh của trang trại.

- Để phòng ngừa sự cố trời mưa, nước tại ao sinh học chảy tràn ra môi trường trang trại đã thực hiện biện pháp:

+ Trong những ngày dự báo thời tiết có mưa bão sẽ không tiến hành rửa vệ sinh chuồng, vệ sinh tắm pin mặt trời để đảm bảo nước thải sau xử lý trong ao sinh học không bị tràn ra môi trường.

+ Có kế hoạch tưới cây hợp lý để đảm bảo lượng nước thải lưu giữ trong ao nhỏ để tránh bị tràn ra môi trường khi trời mưa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực và chủ đầu tư hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường.

2.3. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải (Bể chứa nước thải và ao sinh học).

2.4. Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải tại ngăn chứa nước thải (đầu vào).

+ Mẫu nước thải tại ao sinh học (đầu ra).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng, không được xả thải ra môi trường dưới mọi hình thức, kể cả trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường theo bất kỳ hình thức nào.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm, Hộ gia đình ông Đinh Huy Hiệp phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Định để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc tưới tiêu cho cây trồng để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn khí thải số 1: Mùi, khí thải phát sinh từ các chuồng nuôi tại khu vực phía cuối dãy các chuồng nuôi của trang trại.

- Nguồn khí thải số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°)

+ Dòng khí thải số 1: Khu vực giữa dãy phía cuối chuồng nuôi. Tọa độ: X = 2208119.72; Y= 573852.43

+ Dòng khí thải số 2: Ống thoát khí của máy phát điện. Tọa độ: X = 2208057.13; Y = 573753.10

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng không xác định.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 918,4 m³/h.

- Phương thức xả thải:

+ Dòng khí thải số 1: Mùi, khí thải được ra môi trường qua hệ thống quạt hút phía cuối mỗi chuồng nuôi, xả liên tục 24/24h trong thời gian nuôi.

+ Dòng khí thải số 2: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thoát khói (không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện).

- Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1,0 và Kv = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	400	
3	NO _x	mg/Nm ³	680	
4	CO	mg/Nm ³	800	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Nguồn khí thải số 1: Thu gom bằng quạt hút khí phía cuối chuồng nuôi về hệ thống xử lý mùi và thải ra môi trường.

- Nguồn khí thải số 2: Được thu gom, xử lý qua thiết bị đồng bộ của máy phát điện và xả ra môi trường qua ống xả cao 4m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Đối với mùi, khí thải phát sinh từ khu vực chuồng nuôi

+ Quy trình xử lý: Khí thải (mùi) từ chuồng nuôi → Hệ thống các quạt hút → Giàn phun sương (nước bổ sung hóa chất khử mùi) có lưới chắn sau chuồng nuôi → Giảm thiểu mùi và khí thải ra môi trường.

+ Trang trại sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi để xử lý chất thải hàng ngày tại chuồng và giảm thiểu mùi, khí thải từ chuồng nuôi ra môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Chế phẩm EM khử mùi, chế phẩm men vi sinh Bio-Plus, Balasa N01 làm đệm lót sinh học.

1.2.1. Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng: Thu gom và thoát ra ngoài bằng ống thải (máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO nên không có hệ thống xử lý khí thải).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành thường xuyên và đúng quy trình các công trình xử lý mùi, khí thải chuồng nuôi.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng ngừa, sự cố môi trường đối với khí thải theo nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường của trang trại.

- Các sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là hóa chất, chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học, vi sinh vật phải đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ và được phép sử dụng theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Hoạt động của máy phát điện.
- Nguồn số 2: Hoạt động của hệ thống quạt hút, giàn làm mát từ các chuồng nuôi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°):

TT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Máy phát điện	X = 2208057.13; Y = 573753.10
2	Hệ thống quạt hút, giàn làm mát tại chuồng nuôi (giữa dãy chuồng nuôi)	X= 2208119.72; Y= 573852.43

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ của hệ thống quạt hút hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực nhà nghỉ của công nhân. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại, khu vực phía sau chuồng nuôi nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu thải từ máy phát điện	17 02 03	15,0
2	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại (hóa chất/dầu mỡ)	18 02 01	3,0
3	Chất thải lây nhiễm (Bơm kim tiêm đã qua sử dụng)	13 02 01	2,0
4	Bóng đèn huỳnh quang thải.	16 01 06	4,5
5	Bao bì mềm (bao bì đựng thuốc thú y)	18 01 01	10
6	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi	18 01 03	5,0
7	Hộp mực in thải	08 02 04	0,5
8	Pin đã qua sử dụng thải	16 01 12	0,3
9	Tấm pin mặt trời bị hư hỏng	19.02.08	25
10	Bộ inveter hư hỏng	19.02.06	89
11	Gà chết do dịch bệnh	14 02 01	Không xác định
12	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (khi bị dịch bệnh)	14 02 02	Không xác định
Tổng khối lượng			154,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân gà và chất độn chuồng	713.700
2	Gà chết không do dịch bệnh	2.160
Tổng khối lượng		715.860

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
----	---------------	----------------------

		(tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt dạng hữu cơ	1,53
2	Chất thải rắn sinh hoạt dạng vô cơ	0,66
Tổng khối lượng		2,19

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy dung tích 60 lít, can 20 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 6,0m².
- Thiết kế, cấu tạo: Đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch, mái tôn, có bố trí gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng. Khu vực để chất thải nguy hại đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với gà chết do dịch bệnh, nghiêm cấm chủ dự án không được vận chuyển ra ngoài khu vực trang trại, đồng thời phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan Thú ý của địa phương để có phương án thu gom, tiêu hủy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Phân gà và chất độn chuồng thu gom vào các bao bì sau khi kết thúc mỗi lứa chăn nuôi.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa. Phân và chất độn chuồng sau khi thu gom vào các bao bì sẽ chuyển giao cho các đơn vị sản xuất phân bón.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thu gom vào các thùng có nắp đậy 30 lít, 60 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa. Rác thải sinh hoạt tập kết vào thùng 60 lít đặt tại cổng ra vào trang trại.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý, thực hiện phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt để tăng cường tái chế, tái sử dụng.

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bố trí hồ chôn lấp gà chết tại phía Nam trang trại có diện tích khoảng 50-100m² (Vị trí khu đất trồng cây xanh của trang trại) và thực hiện biện pháp chôn lấp theo quy định của ngành Chăn nuôi - Thú y.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc giải pháp xử lý mùi hôi phát sinh từ chuồng trại đã được đầu tư xây dựng.

2. Quản lý môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn hoạt động và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.